TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 391/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và L phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 204/2025/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1996; Căn cước công dân số: 040196021524, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 14/01/2022.

Nơi đăng ký thường trú: xóm 10B, xã N, huyện Ng, tỉnh N (nay là xóm Đ, xã N, tỉnh N);

Nơi cư trú: Số nhà H12, tổ 34, khu phố 7, phường T tỉnh Đ;

+ Ông Võ Văn Q, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 040086011874, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 14/01/2022.

Nơi đăng ký thường trú: xóm 10B, xã N, huyện Ng, tỉnh N (nay là xóm Đ, xã N, tỉnh N);

Nơi cư trú: Số nhà H12, tổ 34, khu phố 7, phường T tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị L và ông Võ Văn Q cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ngày 29/8/2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà L và ông Q đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên bà L và ông Q đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Võ Đoàn Huyền N, sinh ngày 24/11/2015 và Võ Đoàn Phương T, sinh ngày 15/12/2020. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất ông Võ Văn Q cấp dưỡng mỗi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Tổng cộng 2 con là 4.000.000đ (bốn triệu đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về L phí: Bà L và ông Q chịu L phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị L và ông Võ Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất giao con chung Võ Đoàn Huyền N, sinh ngày 24/11/2015 và Võ Đoàn Phương T, sinh ngày 15/12/2020 cho bà Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất ông Võ Văn Q cấp dưỡng mỗi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Tổng cộng 2 con là 4.000.000đ (bốn triệu

đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q không cấp dưỡng nuôi con với số tiền N thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về L phí Tòa án: Bà L và ông Q mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) L phí, tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng L phí đã nộp theo biên lai thu số 0000164 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà L và ông Q đã nộp đủ L phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai;
- UBND xã Nghĩa Khánh (xã Nghĩa An, huyện Nghĩa Đàn cũ), tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại